

Bản án số: 12/2022/KDTM-ST

Ngày: 03/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-DS ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim O, theo giấy ủy quyền số 5134/2021/UQ-PGD ngày 31/3/2021.

(bà O có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B.

Địa chỉ: Y, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ

Địa chỉ: Z, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bị đơn vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc Đ

Bà Đặng Ngọc T

Cùng địa chỉ: K, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Đ và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự trình bày:

** Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) có bà Nguyễn Thị Kim O đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08/9/2017, Công ty TNHH B (gọi tắt là công ty B) đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/ETP/17/0142/HDHM và phụ lục số 01 với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Sài Gòn, với hạn mức tín dụng được cấp là 2.600.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2018, công ty B và Ngân hàng A ký phụ lục hợp đồng số SME/ETP/17/0142/PLHD9 và ngày 01/11/2018, Công ty TNHH B và Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Sài Gòn ký Khế ước nhận nợ số SME/ETP/17/0142/HDHM-05, nội dung: Ngân hàng A cho công ty B vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh mua bán máy lạnh. Lãi suất trong hạn là 17%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty B thế chấp Xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu IZUSU, số loại QKR55F, biển số 51C-771.71 theo hợp đồng thế chấp số SME/ETP/17/0142/HDTC.02 ngày 06/10/2018, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh số 1302759371 ngày 06/10/2018.

Đồng thời, Ông Nguyễn Ngọc Đ và Bà Đặng Ngọc T cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty B phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số SME/ETP/17/0142/HDHM ngày 08/9/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa VPBank và Công ty B theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/ETP/17/0142/HDBL ngày 08/9/2017.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, tất cả các khoản vay của Công ty B đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/6/2019.

Ngân hàng A đã liên hệ với Công ty B yêu cầu thanh toán nợ cho Ngân hàng A nhưng Công ty B không thực hiện.

Ngày 28/5/2021, đại diện Công ty B – ông Nguyễn Ngọc Đ đã thống nhất phương án bàn giao tài sản đảm bảo cho Ngân hàng A xử lý thu hồi nợ quá hạn theo quy định, Ngân hàng A đã tiến hành bán đấu giá công khai tài sản bảo đảm nêu trên.

Ngày 16/7/2021, tài sản bảo đảm của Công ty B đã được bán đấu giá thành với giá 254.000.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản, Ngân hàng đã thu số tiền 242.915.000 đồng vào trừ vào dư nợ gốc của Công ty B tại Ngân hàng.

Ngân hàng A đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty B, ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Đặng Ngọc T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại cho Ngân hàng A, nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty B phải trả ngay một lần cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 03/8/2022 là: 333.227.362 đồng, bao gồm: Tiền gốc là 103.079.041 đồng, lãi là 225.044.145 đồng (lãi trong hạn là 12.131.021 đồng, lãi quá hạn 212.913.124 đồng) và lãi chậm trả lãi là 5.104.176 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 04/8/2022, Công ty TNHH B vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng A.

Trong trường hợp Công ty B không thanh toán được nợ cho Ngân hàng A, Ngân hàng A đề nghị ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Đặng Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay Công ty TNHH B theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Đặng Ngọc T: Đã được Tòa án triệu tập để tự khai, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không lý do.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu quan điểm: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ thỏa thuận của hợp đồng tín dụng hai bên ký kết phù hợp quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 333.227.362 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. kể từ ngày 04/8/2022, Công ty B vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng A. Trong trường hợp Công ty B không thanh toán được nợ cho Ngân hàng A, Ngân hàng A đề nghị ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Đặng Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay Công ty TNHH B theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngân hàng TM CP A khởi kiện Công ty TNHH B yêu cầu thanh toán nợ từ hợp đồng tín dụng nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại Quận 3 nên thẩm quyền giải quyết vụ án này là Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

[3] **Về nội dung yêu cầu khởi kiện:** Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/ETP/17/0142/HDHM ngày 08/9/2017, phụ lục hợp đồng số SME/ETP/17/0142/PLHD9 và ngày 26/01/2018 và Khế ước nhận nợ số SME/ETP/17/0142/HDHM-05 ngày 01/11/2018 có chữ ký xác nhận giữa bên cho vay là Ngân hàng TM CP A và bên vay là Công ty TNHH B thể hiện Ngân hàng đã cho Công ty B vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng với mức lãi suất là 17%/năm.

[4] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hai bên đã tiến hành xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số SME/ETP/17/0142/HDTTC.02 ngày 06/10/2018 vào ngày 16/7/2021. Sau khi thanh lý tài sản thế chấp, số nợ gốc của công ty B còn lại là 103.079.041 đồng đến nay chưa trả nên căn cứ Điều 8 của Hợp đồng cho vay hạn mức, Ngân hàng yêu cầu Công ty B thanh toán toàn bộ số nợ gốc của hợp đồng tín dụng này là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Xét mức lãi suất trong hạn của Công ty B là 17%/năm là phù hợp quy định pháp luật và thỏa thuận tại Điều 2 của các hợp đồng tín dụng. Do Công ty KGN không thanh toán số nợ đúng thời hạn nên ngoài nợ gốc, Công ty KGN còn phải chịu lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn và lãi chậm trả lãi, cụ thể: Lãi trong hạn là 12.131.021 đồng, lãi quá hạn là 212.913.124 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.104.176 đồng.

[6] Ngoài ra, Công ty KGN còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[7] Căn cứ hợp đồng bảo lãnh số SME/ETP/17/0142/HDBL ngày 08/9/2017 ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Đặng Ngọc T và Ngân hàng A, xác định ông Đ và bà T có nghĩa vụ liên đới bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ của công ty B phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/ETP/17/0142/HDHM ngày 08/9/2017 theo quy định tại Điều 335, 336, 338, và Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015.

[8] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 328; 335, 336, 338, 342, 422; 423 và Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền: 333.227.362 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi hai đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 103.079.041 đồng, nợ lãi (tính đến ngày 27/7/2022) trong hạn là 12.131.021 đồng, lãi quá hạn 212.913.124 đồng, lãi chậm trả lãi là 5.104.176 đồng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/ETP/17/0142/HDHM ngày 08/9/2017, phụ lục hợp đồng số SME/ETP/17/0142/PLHD9 và ngày 26/01/2018 và Khế ước nhận nợ số SME/ETP/17/0142/HDHM-05 ngày 01/11/2018 ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 28/7/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ vay.

Trường hợp đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Đặng Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B theo hợp đồng bảo lãnh số SME/ETP/17/0142/HDBL ngày 08/9/2017.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu 16.661.368 đồng (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 13.225.826 đồng (mười ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo Biên lai tạm ứng án phí số 0007450 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn B, ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Đặng Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy